TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 124/2020/DS-PT
Ngày: 04 - 6 - 2020
V/v "Tranh chấp quyền sử dụng đất"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:*Ông Huỳnh Văn Út
Các Thẩm phán: Ông Hồ M Tấn
Ông Dương Hùng Quang

***- Thư ký phiên tòa*:**Bà Tạ Trà My – Là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Dẽ- Kiểm sát viên.

Ngày 04tháng 6 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 115/2020/TLPT-DS ngày 23 tháng 3 năm 2020về việc:*"Tranh chấp quyền sử dụng đất"*.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 09/2020/DS-ST ngày 17 tháng 02 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Cái Nước bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 102/2020/QĐPT-DS ngày 20tháng 4 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Thanh H, sinh năm 1943.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1952 (Có mặt).

Cùng cư trú: Ấp T, xã Đ, huyện C, tỉnh C ..

- *Bị đơn:* 1. Ông Phạm Văn G , sinh năm 1950.

2. Bà Phan Thị P, sinh năm 1955 (Có mặt).

Cùng cư trú: Ấp T, xã Đ, huyện C, tỉnh C ..

Người đại diện theo ủy quyền của ông G: Bà Phan Thị P, sinh năm 1955 (Văn bản ủy quyền ngày 05/01/2019),(Có mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1.Ủy ban nhân dân huyện Cái N.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Phúc G – Chức vụ: Chủ tịch (Vắng mặt).

Địa chỉ: Khóm 2, thị trấn Cái Nước, huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau.

2.Anh Phạm Hoàng D1, sinh năm 1989.

Người đại diện theo ủy quyền của ông D1: Bà Phan Thị P, sinh năm 1955,(theo văn bản ủy quyền ngày 05/01/2019) (Có mặt).

Cùng cư trú: Ấp T, xã Đ, huyện C, tỉnh C ..

3. Bà Thái Thị D2, sinh năm 1945.

Người đại diện theo ủy quyền của bà D2: Ông Nguyễn Văn T (Nguyễn Quốc T), sinh năm 1952, theo văn bản ủy quyền ngày 07/10/2019, (Có mặt).

Cùng Cư trú: Ấp T, xã Đ, huyện C, tỉnh C ..

- *Người kháng cáo:* Ông Nguyễn Thanh H – Là nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Nguyên đơnông Nguyễn Thanh H trình bày:*

Vào năm 1995 ông Nguyễn Thanh H có nhận chuyển nhượng phần đất có diện tích 1,5 công tầm 3m với giá 04 chỉ vàng 24k của ông Võ Chí T1và bà Nguyễn Thị Ng. Đất tọa lạc tại ấp T, xã Đ, huyện C, tỉnh C .. Khi chuyển nhượng hai bên có làm giấy tay, có vẽ sơ đồ đất và có xác nhận của chính quyền địa phương.

Ông H quản lý sử dụng phần đất này cho đến nay nhưng chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Phần đất này trước đây có cặm trụ đá và có trồng hàng dừa để làm ranh, giáp ranh với phần đất của ông Phạm Văn G (và bà Phan Thị P ở phía Nam.

Nhưng vào năm 2016 gia đình ông H tiến hành đo đạc đất để làm thủ tục xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì xảy ra tranh chấp với ông G và bà P, vì ông G và bà P cho rằng phần đất bờ có kích thước Ngang khoảng 4m dài 46,5m là thuộc quyền sử dụng của ông bà.

Vì vậy, ông H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông trả lại phần đất có kích thước Ngang 4m dài 46,5m.

Tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Thanh H yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Phạm Văn G (và bà Phan Thị P trả lại phần đất có diện tích theo kết quả đo đạc thực tế là 605,7m^2.

- *Bị đơn bà Phan Thị P trình bày:*

Vào năm 1980, bà và chồng của bà là ông Phạm Văn G có nhận chuyển nhượng phần đất có diện tích 04 công tầm 3m với giá 14.000 đồng của ông Nguyễn Văn Tài và bà Quách Thị Tràng, khi chuyển nhượng có làm giấy tay.

Phần đất này vợ chồng bà đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào năm 1995 và quản lý sử dụng ổn định đến nay. Bà xác định ranh đất của vợ chồng bà giáp ranh với phần đất của ông H nhận chuyển nhượng của ông T1và bà Ng là đường thẳng từ hậu đất chạy dài đến mặt tiền *(Theo bản Trích đo hiện trạng ngày 27/12/2016 là từ M3 đến M7)*. Bà xác định phần đất tranh chấp là thuộc quyền sử dụng của vợ chồng bà đã được Ủy ban nhân dân huyện Cái N cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng, nên không đồng ý trả lại theo yêu cầu của nguyên đơn.

- Đối với Ủy ban nhân dân huyện Cái N đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng không có ý kiến gì đối với yêu cầu của các đương sự.

Từ nội dung vụ án nêu trên, tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 09/2020/DS-ST ngày 17 tháng 02 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau đã quyết định:

Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu của khởi kiện của ông Nguyễn Thanh H về việc yêu cầu buộc ông Phạm Văn G (và bà Phan Thị P trả phần đất có diện tích 186m^2. Đất có tứ cận phía Đông giáp phần đất của ông Nguyễn Văn T cạnh M3M4 dài 12,97m, phía Tây giáp phần đất của ông Phạm Văn G (và bà Phan Thị P cạnh M5M6 dài 13,48m, phía Nam giáp phần đất của ông Phạm Văn G và bà Phan Thị P cạnh M4M5 dài 45,31m, phía Bắc giáp phần đất của ông Nguyễn Thanh H cạnh M3M6 dài 46,72m (Kèm theo Bản Trích đo hiện trạng).

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 28-02-2020 ông Nguyễn Thanh H kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, đề nghị sửa án sơ thẩm với lý do:

- Theo Giấy chuyển nhượng thửa đất của ông H với ông Võ Chí T1và Nguyễn Hồng Nga vào ngày 30-01-1995 có: Chiều Ngang Hướng Nam là 15 tầm rưỡi (tầm 03 mét) = 46,5m giáp với phần đất ông Phạm Văn G; Phía Đông tiếp giáp phần đất ông Phan Văn Tình cạnh dài 15 tầm = 45m; Hướng Bắc tiếp giáp với đất ông H dài 15 tầm 2 mét = 47m; Hướng Tây dài 16 tầm giáp đất ông H = 48m, tức bằng tổng diện tích 2.244m^2, có các bên chuyển nhượng và nhận chuyển nhượng ký tên; có tứ cận là ông Phan Văn Tình, ông Phạm Văn G (hiện bị đơn) ký tên, có chứng thực của Ủy ban nhân dân cấp xã.

- Đối với phần đất của bị đơn, Ủy ban huyện Cái Nước cấp Giấy CNQSDĐ cho ông Phạm Văn G và bà Phan Thị P vào ngày 10-02-1995 tổng diện tích là 3.750m^2. Phần đất này có nguồn gốc từ cha ông H cho ông Nguyễn Văn Tài (anh ông H) 4,5 công (tầm 3 mét = 1.296m^2), ông Tài đã sang cho ông Nguyễn Thanh Nhàn 01 công, thì số đất của ông Tài còn lại 3,5 công = 4.536m^2 đã sang lại cho ông G và bà P.

- Bản trích đo thửa đất tranh chấp thể hiện thửa số 250 tờ bản đồ số 08 thành lập năm 2005, thửa số 250 thửa đất của ông H đang sử dụng giáp với thửa ông G không phải là đường thẳng (mà là đoạn gấp khúc), đều này chứng tỏ phần đất mặt nước, rồi đến con bờ hiện hữu là của ông H. Đồng thời, qua đo đạc thực tế, nếu tính phần đất không tranh chấp của ông G, bà Phần là 4.788,3m^2 + diện tích tranh

chấp 605,7m^2 = 5.394m^2 (và như vậy đất ông G sẽ dư so với Giấy CNQSDĐ là 5.394m^2 – 3.750m^2 = 1.644m^2); còn đất ông H có cộng diện tích tranh chấp 605,7m^2 thì cũng là 2.182,8m^2 (vẫn ít hơn diện tích đã sang nhượng 61,2m^2 có số đo tứ cận).

- Ủy ban nhân dân huyện Cái N xác định khi cấp Giấy CNQSDĐ cho ông G thì không có đo đạc thực tế mà khẳng định cấp theo bản đồ 299 (theo không ảnh).

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bà Phan Thị P đề nghị giữ y Bản án sơ thẩm.

Ông Nguyễn Văn T đề nghị chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông. Đồng thời, ông T có xuất trình giấy tay ông H chuyển nhượng quyền sử dụng đất (đang tranh chấp) cho ông Nguyễn Văn T vào năm 2015 với giá 12 chỉ 24k, trả trước 04 chỉ vàng 24k, còn lại 08 chỉ vàng 24k hẹn khi nào làm giấy xong thì ông T sẽ trả đủ cho ông H. Ông T xác định ông chỉ xuất trình giấy tờ thỏa thuận chuyển nhượng với ông H, chứ ông T không có yêu cầu gì, không có khiếu nại gì trong vụ án, vì vào đầu năm 2016 ông H tiến hành đo đạc làm Giấy CNQSDĐ cho ông H để tiếp tục chuyển nhượng cho ông T thì phát sinh tranh chấp cho đến nay, nên từ đó đã ngưng thủ tục làm Giấy CNQSDĐ, đợi giải Tòa án giải quyết. Ông T thống nhất đề nghị đối với giao dịch phần đất nêu trên ông T sẽ tự thỏa thuận riêng với ông H.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau phát biểu:*Về tố tụng, Thẩm phán, Hội đồng xét xử tiến hành đúng theo quy định của pháp luật tố tụng và các đương sự cũng chấp hành đúng với quyền và nghĩa vụ của các đương sự được pháp luật quy định. Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm: Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự; tuyên xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Thanh H; giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, xét kháng cáo của ông Nguyễn Thanh H. Hội đồng xét xử thấy rằng:

[1] Về tố tụng: Tòa sơ thẩm đã thụ lý đúng thẩm quyền và giải quyết đúng quan hệ pháp luật tranh chấp theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Trong đơn khởi kiện, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả lại diện tích phần đất cái bờ ngang khoảng 04m x dài 46,5m = 186m^2. Tuy nhiên, theo sơ đồ bản vẽ thực tế (kèm theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 29-7-2019 có các bên ký tên (Bút lục số 204, 205, 206), xác định bờ tranh chấp: Hướng Đông dài 2,9m; Hướng Tây dài 2,9m; Hướng Nam dài 45,31m; Hướng Bắc dài 46,72m; diện tích = 133,44m^2. Còn đối với bản vẽ trước đó ngày 27-12-2016 xác định đất tranh chấp tổng thể là 605,7m^2, có tứ cận: Phía Đông giáp phần đất của ông Nguyễn Văn T cạnh M3M4 dài 12,97m, phía Tây giáp phần đất của ông Phạm Văn G và bà Phan Thị P cạnh M5M6 dài 13,48m, phía

Nam giáp phần đất của ông Phạm Văn G (và bà Phan Thị P cạnh M4M5 dài 45,31m, phía Bắc giáp phần đất của ông Nguyễn Thanh H cạnh M3M6 dài 46,72m. Lý do hai bản vẽ nêu trên có khác nhau về số liệu là do khi chỉ ranh, thì phía bà P cho rằng ranh đất của bà không phải chỉ trọn cái bờ Ngang 2,9m mà còn xuống phần đất mặt nước (qua hướng Bắc), nên có cạnh dài Hướng Tây đến 13,48m, Hướng Đông đến 12,97m (trong đó đã tính chiều ngang bờ hiện hữu là 2,9m). Tuy nhiên, án sơ thẩm chỉ tuyên xử trong phạm vi khởi kiện của nguyên đơn, đối với diện tích đất mặt nước phía bà P chỉ thêm Bản án sơ thẩm nhận định do bị đơn chưa có yêu cầu phản tố nên không đặt ra xem xét là phù hợp. Đối với thửa đất ông H đang sử dụng giáp ranh với bà P theo mục kê cũ tài liệu đo đạc năm 1993, có số thửa 504, tờ bản đồ số 05 (thì đứng tên ông Huỳnh Tấn M), (nay là thửa 250 tờ bản đồ số 08 thành lập năm 2005); các bên đều xác định từ trước đến nay ông M không sử dụng phần đất này (việc ông M đứng tên mục kê năm 1993 là có sự nhầm lẫn) là có căn cứ.

[3] Trong vụ kiện này, ông Nguyễn Văn T đã xác định ông đã thỏa thuận nhận chuyển nhượng phần đất tranh chấp này từ ông H vào năm 2015, với giá 12 chỉ vàng 24k (đưa trước 04 chỉ vàng), sau khi làm giấy xong, thì ông T sẽ trả đủ cho ông H. Tuy nhiên, vào năm 2016 ông H vào đo đất làm quyền sử dụng để chuyển nhượng cho ông T, thì phát sinh tranh chấp với ông G. Từ cấp sơ thẩm, ông T xác định quyền lợi trên mảnh đất tranh chấp này thuộc ông H, và ông T không cung cấp giấy tay chuyển nhượng. Việc cấp sơ thẩm không đưa ông T vào tham gia tố tụng là có thiếu sót (cần rút kinh nghiệm).Tuy nhiên, do ông T xác định tại cấp phúc thẩm, ông T thỏa thuận nhận chuyển nhượng đất ông H nhưng chưa xong thủ tục. Ông T có xuất trình giấy tay chuyển nhượng năm 2015, nhưng ông T đề nghị giao dịch của ông T, với ông H các ông sẽ tự thương lượng với nhau cho việc chuyển nhượng tiếp theo, bởi vì hiện nay ông H vẫn chưa được cấp Giấy CNQSDĐ. Xét thấy, nếu về sau giữa ông T, ông H có phát sinh tranh chấp đối với giao dịch phần đất này, thì sẽ giải quyết thành vụ kiện khác. Ông T cũng khẳng định sẽ không khiếu nại gì về việc Bản án sơ thẩm không đưa ông T vào tham gia tố tụng.

[4]Xét căn cứ kháng cáo của ông H cho rằng cái bờ hiện hữu là đất của ông. Tuy nhiên, hiện ông H vẫn chưa được cấp Giấy CNQSDĐ thì không có cơ sở khẳng định ông H có quyền sử dụng đất toàn bộ phần bờ này. Việc ông H cho rằng cho gia đình bà P mượn hết con bờ này để đi, thì ông H cũng không có chứng cứ gì. Trên thực tế quá trình sử dụng phần đất này, trước khi gia đình bà P nhận chuyển nhượng đất (có nhà quay mặt ra hướng kênh Thủy lợi) của ông Tài, thì các bên xác định trước đây ông Tài đi ra vào đất bằng kênh Thủy lợi và bờ xáng ra sông Cái Nước – Chà Là cùng nhiều hộ dân khác. Đến khi vợ chồng bà P nhận chuyển nhượng nhà đất của ông Tài, thì gia đình bà P cất nhà đâu lưng với nhà đã mua ông Tài, gia đình bà P đã đi lối đi trên con bờ hiện hữu đang tranh chấp này, rồi tiếp tục đi nhờ qua đất ông T mới ra được bên ngoài… Đối với ông Võ Chí Tuân, bà Nguyễn Thị Nga người sang nhượng đất cho ông H cũng xác định bờ ranh tranh chấp này nằm trong phần đất ông bà đã sang nhượng cho ông

H năm 1995 (xác nhận ngày 02-3-2020). Quá trình sử dụng đất thì phía gia đình ông H và gia đình ông G đều đi chung trên con bờ này. Hiện trạng phần đất của nguyên đơn đang canh tác là đất mặt nước (giáp bờ tranh chấp); đối với bị đơn đang sử dụng đất lập vườn có bờ ngang, nối thẳng vào bờ xuôi (bờ tranh chấp); tại Tòa phúc thẩm cả nguyên đơn và bị đơn đều cho rằng các bên khi sên vét có đổ đất lên phần bờ đang tranh chấp. Như vậy, việc án sơ thẩm cho rằng con bờ thuộc quyền sử dụng hoàn toàn của bị đơn là không có cơ sở vững chắc, bởi lẽ theo Giấy CNQSDĐ không thể hiện có con bờ. Hơn nữa, bị đơn được cấp 3.750m^2 đất nhưng hiện đo đạc trừ diện tích tranh chấp thì bị đơn đang sử dụng 4.788,3m^2, nếu cộng diện tích tranh chấp thì bị đơn sử dụng dư đến 1.644m^2; trong khi đất nguyên đơn có cộng diện tích tranh chấp 605,7m^2 thì cũng là 2.182,8m^2 (vẫn ít hơn diện tích đã sang nhượng 61,2m^2).

[4.1] Quá trình giải quyết vụ án, bà P xác định đất bà được cấp bằng không ảnh, như Ủy ban nhân dân huyện xác định (nên diện tích không chính xác) và bà cũng cho rằng vợ chồng bà nhận chuyển nhượng 04 công tầm lớn = 5.184m^2, việc cấp Giấy CNQSDĐ cho bà 3.750m^2 là còn thiếu. Song, suốt quá trình được cấp Giấy CNQSDĐ từ năm 1995 cho đến nay, gia đình bà P cũng không có khiếu nại gì, bà P cho rằng phần đất mặt nước còn lại chưa giải quyết cũng là của bà, phần bờ nguyên đơn cặm trụ đá năm 2016 cũng là của bà, nhưng từ khi nguyên đơn sử dụng đất mặt nước nuôi tôm đã rất nhiều năm, bà P vẫn không phản đối hay ngăn cản gì. Hơn nữa, theo bản đồ năm 2005 có thể hiện, đất ông H giáp phần bờ có hình là *đường lỏm vào* (chứ không phải là đường thẳng) là phù hợp với thực tế. Do phần bờ Ngang 2,9m này được các bên sử dụng lâu năm, gia đình bà P làm lối đi ra lộ, gia đình ông H dùng vào việc làm lối đi ra vào vuông canh tác nuôi tôm, không ai ngăn cản gì. Mặc dù, phía ông Tuân, bà Nga (người chuyển nhượng cho ông H năm 1995) xác định đất của nguyên đơn là hết bờ. Tuy nhiên, không có căn cứ cho rằng toàn bộ phần bờ là của nguyên đơn, nhưng do các bên sử dụng lâu năm làm lối đi chung, nên về tập quán cần công nhận mỗi bên đều có ½ bờ này để tiếp tục sử dụng vào mục đích làm lối đi là phù hợp.

[4.2] Theo bản vẽ thực tế (kèm theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 29-7-2019 (Bút lục số 204, 205, 206), thì bờ tranh chấp: Hướng Đông dài 2,9m; Hướng Tây dài 2,9m; Hướng Nam dài 45,31m; Hướng Bắc dài 46,72m; diện tích = 133,44m^2, nên cần lấy diện tích này làm cơ sở giải quyết. Án sơ thẩm lấy diện tích tranh chấp 605,7m^2 theo bản vẽ ngày 27-12-2016 (Bút lục số 45) để giải quyết và bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với diện tích cái bờ ngang 4m x 46,5m = 186m^2 là chưa phù hợp. Tuy nhiên, từ cơ sở bờ Ngang 2,9m, xét cần lấy một phần diện tích có các điểm mô tả của bản vẽ ngày 27-12-2016 để tuyên án là phù hợp. Như vậy, diện tích chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn là 66,74m^2 trên tổng diện tích cái bờ là 133,44m^2, như sau:

[4.3] Vị trí giữ cho bị đơn sử dụng ½ bờ: Phía Đông giáp đất ông Nguyễn Văn T, *từ điểm M-4 có cặm trụ đá hiện hữu đo hướng M-3, lấy 1,45m*. Phía Tây giáp đất ông Phạm Văn G và bà Phan Thị P, *từ điểm M-5 có cặm trụ đá hiện hữu đo qua hướng M-6, lấy 1,45m.* Phía Nam giáp phần đất còn lại của ông Phạm Văn

G và bà Phan Thị P, *từ điểm M-5 đến điểm M-5 dài 45,31m.*Phía Bắc giáp phần đất còn lại tuyên cho ông Nguyễn Thanh H sử dụng có cạnh dài *46,72m.*

Vị trí tuyên chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn đối với ½ diện tích đất bờ tranh chấp như sau:

- Phía Đông giáp đất ông Nguyễn Văn T, lấy điểm *1,45m* **(**đã chia cho bị đơn sử dụng) đo qua hướng điểm M-3 dài *1,45m.*

- Phía Tây giáp đất ông Phạm Văn G (và bà Phan Thị P, lấy điểm *1,45m* (đã chia cho bị đơn sử dụng) đo qua hướng điểm M-6, lấy*1,45m.*

- Phía Nam giáp phần đất còn lại đã tuyên cho bị đơn sử dụng dài *45,31m.*

- Phía Bắc giáp phần đất còn lại đã tuyên cho ông Nguyễn Thanh H sử dụng có cạnh dài *46,72m.*

[5]Từ phân tích trên, cần chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn, sửa một phần Bản án sơ thẩm là phù hợp. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau đề nghị giữ nguyên Bản án sơ thẩm là chưa phù hợp.

[6]Do sửa án sơ thẩm, nên nguyên đơn và bị đơn chịu ½ tổng chi phí tố tụng. Nguyên đơn đã dự nộp xong, bị đơn phải hoàn lại cho nguyên đơn ½ chi phí tố tụng là 5.325.000 đồng.

[7]Án phí sơ thẩm: Do thời điểm thụ lý sơ thẩm trước năm 2017, nên cần áp dụng Pháp lệnh án phí lệ phí Tòa án năm 2009, buộc nguyên đơn chịu 200.000 đồng; buộc bị đơn phải chịu 200.000 đồng.

[8]Án phí phúc thẩm: Ông H không phải chịu, đã dự nộp 300.000 đồng được hoàn lại.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật tố tụng dân sự; Pháp lệnh lệ phí, án phí Tòa án năm 2009; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Thanh H.

Sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số: 09/2020/DS-ST ngày 17 tháng 02 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau.

Tuyên xử

1. Chấp nhận một phần yêu cầu của khởi kiện của ông Nguyễn Thanh H đối với ông Phạm Văn G và bà Phan Thị P.

Buộc ông Phạm Văn G và bà Phan Thị P trả ½ phần đất có diện tích 66,74m^2 cho ông Nguyễn Thanh H sử dụng (sau khi giữ lại ½ cho ông G và bà P sử dụng) như sau:

- Vị trí giữ cho bị đơn sử dụng ½ bờ: Phía Đông giáp đất ông Nguyễn Văn T, *từ điểm M-4 có cặm trụ đá hiện hữu đo hướng M-3, lấy 1,45m*. Phía Tây giáp đất ông Phạm Văn G (và bà Phan Thị P, *từ điểm M-5 có cặm trụ đá hiện hữu đo qua hướng M-6, lấy 1,45m***.** Phía Nam giáp phần đất còn lại của ông Phạm Văn G và bà Phan Thị P, *từ điểm M-5 đến điểm M-4dài 45,31m.* Phía Bắc giáp phần đất còn lại tuyên cho ông Nguyễn Thanh H sử dụng có cạnh dài *46,72m.*

- Vị trí chấp nhận yêu cầu của ông Nguyễn Thanh H, buộc ông Phạm Văn G và bà PhanThị Phấn trả ½ diện tích đất bờ cho ông H như sau:

+ Phía Đông giáp đất ông Nguyễn Văn T, lấy điểm *1,45m* **(**đã chia cho bị đơn sử dụng) đo qua hướng điểm M-3 *dài 1,45m.*

+ Phía Tây giáp đất ông Phạm Văn G (và bà Phan Thị P, lấy điểm *1,45m* (đã chia cho bị đơn sử dụng) đo qua hướng điểm M-6, lấy*1,45m.*

+ Phía Nam giáp phần đất còn lại đã tuyên cho bị đơn sử dụng dài *45,31m.*

+ Phía Bắc giáp phần đất còn lại đã tuyên cho ông Nguyễn Thanh H sử dụng có cạnh dài *46,72m.*

(Kèm theo Bản trích đo hiện trạng ngày 27-12-2016)

2. Về chi phí tố tụng: Ông Nguyễn Thanh H phải chịu 5.325.000 đồng (đã nộp xong). Buộc ông Phạm Văn G và bà Phan Thị P trả cho ông Nguyễn Thanh H 5.325.000 đồng.

Kể từ ngày ông Nguyễn Thanh H có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông Phạm Văn G (và bà Phan Thị P không thi hành thì còn chịu thêm lãi suất phát sinh tương ứng theo quy định của khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

3. Án phí sơ thẩm:

Ông Nguyễn Thanh H phải chịu 200.000 đồng, ngày 06-10-2016ông H đã dự nộp tạm ứng số tiền 200.000 đồng theo biên lai thu số 0010659 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Cái Nước được chuyển thu đối trừ.

Ông Phạm Văn G và bà Phan Thị P phải chịu 200.000 đồng (chưa nộp).

4. Án phí phúc thẩm: Ông Nguyễn Thanh H không phải chịu, ngày 02-3-2020 ông H đã dự nộp tạm ứng số tiền 300.000 đồng theo biên lai thu số 0005204 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau được hoàn lại.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Tòa án nhân dân huyện Cái Nước;
- Chi cục THADS huyện Cái Nước;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;
- Lưu VT(TM:TANDTCM).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Huỳnh Văn Út